

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2021/TLST-HN&GD ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị B.** Sinh năm 1993.

Trú tại: Bản BQ, xã CB, huyện QC, tỉnh NA.

Bị đơn: Anh **Lương Văn K.** Sinh năm 1994.

Trú tại: Bản BQ, xã CB, huyện QC, tỉnh NA.

Tạm trú: Bản KK, xã CB, huyện QC, tỉnh NA.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị B và anh Lương Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* **Về tình cảm:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị B và Lương Văn K.

\* **Về con cái:** Giao 02 (hai) con chung là Lương Hoàng Ph - sinh ngày 08/6/2015 và Lương Huỳnh Nh - sinh ngày 30/11/2016 cho anh Lương Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Bùi Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lương Văn K mỗi tháng 1.000.000<sup>d</sup> (Một triệu đồng), thi hành kể từ tháng 3/2021 cho đến khi con chung trưởng thành.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Bùi Thị B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

**\* Về án phí:** Căn cứ điều 147 BL TTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Bùi Thị B phải chịu 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng Cộng 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001749 ngày 16/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Chị Bùi Thị B đã nộp đủ án phí DSST.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã CB;
- VKSND huyện QC;
- Chi cục THADS huyện QC;
- Phòng KTNV&THAHS-TAND tỉnh NA;
- Lưu hồ sơ vụ án

**THẨM PHÁN**

***Võ Văn Dũng***